

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27/8/2024

V/v: Xin ly hôn, tranh chấp quyền
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: Hoàng Văn Tâm.
- Ông: Nông Xuân Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 54/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXHNGĐ - ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Long Thị N - sinh năm 2003;** (Có đơn xin xét xử vắng mặt);ĐKHKT: xóm Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng;

- Bị đơn: **Anh Hoàng Văn H - sinh năm 2002;** (Có đơn xin xét xử vắng mặt);ĐKHKT: xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nông Thị V, sinh năm 1980; Địa chỉ: xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nông Văn Sự - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; (Có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21/6/2024 và các lời khai tiếp theo tại

Tòa, nguyên đơn Long Thị N trình bày: Chị và anh Hoàng Văn H tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng vào ngày 18/02/2022, việc đăng ký do hai bên tự nguyện thực hiện và đã được tìm hiểu nhau trước khi tiến tới hôn nhân. Sau kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó, anh H nghiện ma túy dẫn tới việc phá tài sản trong gia đình, không tu chí làm ăn, ổn định cuộc sống. Hiện nay anh H đã bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Nhận thấy, giữa hai vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau, đời sống hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Hoàng Văn H. Trong thời kỳ hôn nhân, hai vợ chồng có một con chung tên Hoàng K.A, sinh ngày 13/10/2020, hiện nay đang sống với bố mẹ chồng. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Giữa chị và anh H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và hòa giải ngày 26/7/2024, bị đơn Hoàng Văn H xác nhận các vấn đề về thời gian kết hôn, con cái, tài sản, nợ chung như chị N trình bày là đúng. Hiện nay anh bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T do liên quan tới tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Anh cho rằng quá trình chung sống, giữa anh và chị N không có mâu thuẫn gì, nhưng do anh sử dụng ma túy từ năm 2016 và vướng vào vòng lao lý là nguyên nhân dẫn tới việc chị N yêu cầu ly hôn với anh. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh không nhất trí vì dù đã không còn tình cảm với chị N nhưng anh thấy vẫn chưa thỏa thuận được phương án tốt nhất để nuôi con. Về con chung là cháu Hoàng K.A, sinh ngày 13/10/2020, hiện đang sống với bố mẹ của anh. Do không đồng ý ly hôn nên anh không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về con chung. Về tài sản chung, nợ chung xác nhận không có. Do đang bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T nên anh H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2024 với bà Nông Thị V khai: Bà là mẹ đẻ của anh Hoàng Văn H. N và H kết hôn với nhau từ năm 2022 và sinh sống cùng vợ chồng bà tại xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng, đến tháng 2 năm 2024, N đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay, bà đang trực tiếp chăm sóc cháu Hoàng K.A, sinh ngày 13/10/2020 do H đang bị tạm giữ, tạm giam. Trong trường hợp N và H ly hôn, bà mong muốn được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu An và yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

Tại phiên tòa:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thông qua tóm tắt nội dung vụ án và lời khai của những người vắng mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho nguyên đơn trình bày: Chị N và anh H là vợ chồng hợp pháp vì được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H nghiện ma túy và hiện đang bị tạm giam về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho chị N được ly hôn anh H. Do hiện nay anh H đang bị tạm giam về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, không có điều kiện chăm sóc con chung nên đề nghị sau khi ly hôn cho chị N được quyền nuôi con chung, chị N không yêu cầu cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 59, 81, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện cho chị Long Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn H;

- Về con chung: Giao cháu Hoàng K.A cho chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế), không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh H. Các bên có quyền thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;

- Về án phí: Buộc chị N phải chịu 300.000đ án phí để sung quỹ Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Hoàng Văn H có hộ khẩu thường trú tại: Xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng, hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ.

[2]. *Về tố tụng*: Bị đơn Hoàng Văn H đang bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng nên không thể có mặt tại Tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Thị V cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Long Thị N yêu cầu ly hôn anh Hoàng Văn H, dành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về

quyền nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Long Thị N và anh Hoàng Văn H tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 18/02/2022 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị N và anh H là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 đứa con chung. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, anh H sa đà vào ma túy, không tu chí Trùng Khánh làm ăn, không quan tâm tới vợ và con, đỉnh điểm anh H đã vi phạm pháp luật và phải chấp hành án phạt tù, hiện nay lại tiếp tục bị tạm giam về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Từ đó hai vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nữa. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2024, anh H không nhất trí ly hôn nhưng thừa nhận đã không còn tình cảm với chị N và xác định lý do chị N yêu cầu ly hôn là do anh đã sử dụng ma túy từ năm 2016. Việc anh H nghiện ma túy, vi phạm pháp luật là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, anh H đã vi phạm nghĩa vụ của một người chồng, người cha, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N, người bào chữa và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.[5].

Về con chung: Giữa chị N và anh H có 01 con chung tên Hoàng K.A, sinh ngày 13/10/2020, hiện nay đang sống với bố mẹ của anh H. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận định: Tuy hiện nay bà Nông Thị V đang nuôi cháu An cũng có đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu nếu N và H ly hôn. Nhưng theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*”. Theo đó, khi hai vợ chồng ly hôn, người trực tiếp nuôi con là một trong hai bên vợ hoặc chồng. Nếu bố mẹ của cháu An không còn mối xem xét đến hàng thừa kế khác để nuôi dưỡng cháu. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà V về việc được tiếp tục nuôi con chung của chị N và anh H. Hiện nay anh H đang trong thời gian bị tạm giam, tạm giữ vì liên quan tới tội Mua bán trái phép chất ma túy, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung. Vì vậy, cần giao cháu An cho chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh H (vì chị N không yêu cầu) là có căn cứ. Do đó đề nghị của người bào chữa và ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 83, 84 và 116 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Long Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn H.

2. *Về con chung*: Giao cháu Hoàng K.A, sinh ngày 13/10/2020 cho chị Long Thị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế) và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Hoàng Văn H.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng Văn H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Long Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận chị đã nộp đủ theo Biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002693 ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Long Thị N, anh Hoàng Văn H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án về phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã C;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

Nông Văn Tùng